

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚC THỌ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số: 116/2024/HSST;
Ngày 23- 12 - 2024.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Xuân Sơn.

2. Ông Nguyễn Văn Học.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Anh Dũng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ – Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ – Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Nguyên Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 101/2024/HSST ngày 06 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2024/QĐXXST-HS ngày 09/12/2024 đối với bị cáo:

***Khuất Văn T** - Giới tính: Nam; Tên gọi khác: không; Sinh ngày 30/6/1998, tại huyện Phúc Thọ - TP. Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nơi thường trú: Thôn 7, xã PT, huyện Phúc Thọ, TP. Hà Nội; Vợ, con: Không; Con ông: Khuất Văn S và bà Vũ Thị .

+ Tiền sự: Không.

+ Tiền án:

- Bản án số 14/2018/HSST ngày 15/3/2018, của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong án phạt tù ngày 12/3/2019. Chưa xóa án tích.

- Bản án số 112/2020/HSST ngày 29/12/2020, của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, TP Hà Nội xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong án phạt tù ngày 09/01/2022. Tại bản án này bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng “tái phạm”. Chưa xóa án tích.

Nhân thân:

- Bản án số 23/2015/HSST ngày 27/4/2025, của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội xử phạt 09 tháng Cải tạo không giam giữ về tội Trộm cắp tài sản. *Đã xóa án tích.*

- Bản án số 08/2016/HSST ngày 29/02/2016, của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp với hình phạt Cải tạo không giam giữ của bản án năm 2015 (được quy đổi thành hình phạt tù). Tổng hợp hình phạt là 07 tháng 11 ngày tù. Chấp hành xong án phạt tù ngày 15/11/2016. *Đã xóa án tích.*

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/4/2024 đến nay tại Trại tạm giam số 1, Công an thành phố Hà Nội.

***Người bị hại:**

+ Anh Trần Văn V, sinh năm 1978,

Địa chỉ: Thôn TT, xã SL, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

+ Anh Đào Anh T, sinh năm 1990,

Địa chỉ: Thôn ĐT, xã YD, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Anh Trần Văn T, sinh năm 1989,

+ Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1970,

Cùng địa chỉ: Thôn TL, xã DI, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1964,

Địa chỉ: Thôn BL 5, xã VX, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/12/2023, Công an xã Tam Hiệp nhận được đơn trình báo của anh Trần Văn V (sinh năm 1978, trú tại thôn TT, SL, Sơn Dương, Tuyên Quang) về việc ngày 11/11/2023, anh V đi kích giun ở khu sinh T Hiệp Thuận – Cẩm Đình thuộc địa phận xã Tam Hiệp bị một nam thanh niên giới thiệu tên là Tiến dùng hung khí chém về phía anh V cướp máy kích giun cùng một số tài sản khác của anh V.

Quá trình điều tra xác định: Đối tượng cướp tài sản của anh V tự xưng là Tiến như trên là Khuất Văn T (sinh năm 1998, trú tại thôn 7, PT, Phúc Thọ, Hà Nội). Ngoài ra, với thủ đoạn tương T còn chiếm đoạt tài sản của anh Đào Anh T (sinh năm 1990, trú tại thôn ĐT, YD, Tam Đảo, Vĩnh Phúc), chị Nguyễn Thị B

(sinh năm 1970) và anh Trần Văn T (sinh năm 1989) cùng trú tại: thôn TL, xã DI, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc. Cụ thể từ ngày 07/11/2023 đến ngày 11/11/2023, T thực hiện 03 vụ cướp tài sản và 01 vụ cưỡng đoạt tài sản:

Vụ thứ 01 (Cướp tài sản):

Rạng sáng ngày 07/11/2023, anh Đào Anh T đi đánh giun một mình ở đoạn đường đê có biển chỉ dẫn ghi Làng Táo xã Tam Thuấn thì Khuất Văn T đi xe máy đến chửi bới, đe dọa, dùng ngực, đầu, vai tiến đến húc thẳng vào người anh T nhiều lần khiến anh T phải lùi về sau và lấy máy đánh giun của anh T không cho anh T đánh giun tại đây. Sau đó T cho anh T số điện thoại của mình là 0969.406.784 và nói phải mang tiền đến chuộc thì T sẽ trả máy rồi T chở máy đánh giun đi. Khoảng 30 phút sau T gọi điện thoại đến số điện thoại của anh T là 0383.482.103 B mang tiền ra để chuộc máy, anh T đi đến chỗ T yêu cầu thì gặp T ở đây, anh T nói là không có tiền, chỉ mang theo 700.000 đồng cho xin chuộc lại máy. T đồng ý và cầm tiền anh T đưa rồi nói với anh T mình là B kê ở khu vực này, anh T có bạn bè nào muốn đánh giun ở khu vực này thì T thu tiền B kê là 1.000.000đồng/tháng. Lấy được máy đánh giun anh T đi về nhà. Đến buổi trưa cùng ngày T gọi điện thoại cho anh T nói là “cho vay mấy trăm có việc gấp, rồi tối đưa người xuống tôi B kê cho đánh giun”. Anh T đồng ý và chuyển khoản 200.000 đồng đến số tài khoản 0969406784 của ngân hàng MB Bank, chủ tài khoản là Khuất Văn T.

Do anh T và anh Trần Văn V có quan hệ họ hàng nên anh T kể với anh V là tại huyện Phúc Thọ có người B kê cho đánh giun thoải mái và phải đóng phí B kê cho người đó là 1.000.000 đồng/tháng thì anh V đồng ý. Chiều ngày 07/11/2023, anh T gọi điện thoại cho T nói là “Lát nữa em đưa một ông anh xuống” thì T đồng ý. Sau đó T đưa anh V xuống đến cổng khu sinh T Cẩm Đình – Hiệp Thuận và gọi điện thoại cho T ra gặp. Lúc sau T đi một mình ra rồi đưa anh T, anh V đi sâu vào trong khu sinh T, anh V đưa cho T số tiền 500.000 đồng và nói hôm sau đánh được thì sẽ đưa nốt tiền. T đồng ý và trao đổi số điện thoại với anh V là 0388.600.525, số điện thoại của T là 0368.031.331 (V lưu là “Tiền”). Sau đó, T cầm tiền rồi rời đi, anh V và anh T ở lại đánh giun đến khoảng 03 giờ sáng ngày 08/11/2023 thì ra về.

Vụ thứ 2 (Cưỡng đoạt tài sản):

Chiều ngày 08/11/2023, T gọi điện thoại cho anh V yêu cầu phải chuyển khoản nốt số tiền còn thiếu cho T vì T có việc gấp. Nhưng do anh V không có tài khoản ngân hàng nên không chuyển tiền cho T được. Khoảng 19 giờ 00 ngày 08/11/2023, anh V đi cùng T đến khu sinh T Cẩm Đình – Hiệp Thuận và mỗi

người đứng một chỗ để đánh giun. Anh V đi đến vị trí mà ngày 07/11/2023 đã đưa tiền cho T thì gọi điện thoại B T ra lấy nốt tiền B kê. Khoảng 20 phút sau thì T đi xe máy đến chỗ anh V đang đứng đánh giun và T bắt phải nộp thêm 1.000.000 đồng nhưng anh V không đồng ý và nói chỉ nộp 500.000 đồng. T vừa chửi bới và nói “Tao B mày nộp, mày không nộp thì tao thu kích” và T đến thu lấy mất kích giun của anh V cho lên xe máy rồi đi, anh V thấy T có lời nói, hành vi côn đồ nên sợ không dám giữ lại tài sản. Anh V đi đến phòng B vệ của khu sinh T ở cổng đi vào thì gặp ông Nguyễn Văn B (sinh năm 1964, trú tại thôn BL 5, VX, Phúc Thọ, Hà Nội) là B vệ đang làm việc ở đây. Anh V kể chuyện với ông B về việc mình đã nộp phí B kê nhưng vẫn bị T thu máy đánh giun thì ông B nói với anh V là đưa số điện thoại của T cho ông B nói chuyện. Ông B dùng điện thoại của mình số 0987.980.563 gọi nói chuyện điện thoại với T xong thì khoảng 10 phút sau T đi xe đến phòng B vệ rồi dừng xe máy lại và vẫn ngồi trên xe, máy kích giun T để chỗ để đồ phía trước xe máy, ông B B T trả lại máy đánh giun cho anh V, sau đó ông B đi ra vị trí dải phân cách giữa đường ngồi cách vị trí của T và V khoảng 4-5 mét để cho hai người này nói chuyện. Lúc này T lớn tiếng chửi V “Địt mẹ mày đưa bảy trăm nghìn đây, tao trả máy”, nhưng V không đồng ý và B chỉ đưa 500.000 đồng để chuộc máy thôi. T gần giọng quát to “địt mẹ mày đưa 700.000”, V thấy vậy thì lấy một tờ tiền 500.000 đồng ra đưa cho T. T nhận tiền rồi tiếp tục quát to “đưa thêm 200.000 đồng nữa”. V trả lời “sao lại đưa 200.000 nữa, hôm trước đã 500.000 đồng rồi nay 500.000 đồng là 1.000.000 đồng tiền B kê rồi”. T tiếp tục chỉ tay về phía V và gần giọng chửi to “Địt mẹ mày không đưa tao 200.000 đồng thì tao không trả máy”. Sau đó V lấy 200.000 đồng ra đưa T thì lúc này T mới lấy máy kích giun đưa trả trực tiếp cho V. Sau đó T gọi ông B lại và dùng tay trái đưa ông B 200.000 đồng vừa lấy của V.

Vụ thứ 3 (Cướp tài sản):

Cũng trong tối ngày 08/11/2023, chị Nguyễn Thị B và anh Trần Văn T đi mỗi người một chiếc xe máy đến khu sinh T thuộc địa phận xã Thượng Cốc, Phúc Thọ, Hà Nội để đánh giun. Đến khoảng 01 giờ ngày 09/11/2023, khi chị B và anh T đang đánh giun thì T cầm theo đèn pin đi đến chỗ chị B nói “thu máy không đánh nữa” rồi đến “giật dây điện máy đánh giun của chị B và nói “địt mẹ đưa máy đây”, rồi đập vào xe máy của chị B đang dựng. Sau đó, T yêu cầu chị B không được đánh giun nữa thì chị B dừng lại không đánh giun nữa và quấn dây điện. Tiếp đến T chạy tới vị trí của anh T đang đánh giun cách chỗ chị B đứng khoảng 20 mét, thấy T hung hăng chạy đến nên anh T cầm lấy thanh sắt đang dùng để chống xe máy làm vũ khí tự vệ. Thấy vậy T liền chửi bới anh T và nói “Ai cho đánh giun ở đây”, “tao bao hết bãi đánh giun từ cầu Phùng lên cầu Vĩnh

Thịnh”. Anh T nghe vậy thì trả lời “nếu anh không cho đánh thì em với bà về”. Rồi T đưa số điện thoại của anh T là 0383.482.103 và yêu cầu anh T gọi cho anh T xem có phải là người quen không. Anh T dùng điện thoại của mình số 0353.131.912 gọi điện thoại cho anh T nói chuyện trước sự chứng kiến của T. Sau khi nói chuyện biết anh T và T không quen biết nhau thì T tự giới thiệu mình tên là Tiến và B “thôi đánh đi, sau cứ như thằng T dưới kia nộp tiền B kê 1.000.000 đồng/tháng thì đánh một tháng”. Do không mang đủ tiền nên anh T và chị B nói là hôm sau sẽ mang tiền xuống nộp, T đồng ý và rời đi, còn anh T và chị B tiếp tục đánh giun.

Đến khoảng 03 giờ ngày 09/11/2023, T đi xe máy một mình quay lại dựng xe trên đường đê, rồi chạy xuống ven đê chỗ anh T đang đứng đánh giun, tay phải cầm theo một thanh kiếm dài khoảng 50cm vừa chạy vừa chửi rồi nói “Đánh nhau không”. Khi còn cách vị trí của anh T khoảng 03 mét thì T dùng tay phải phi thanh kiếm về phía anh T nhưng do lưỡi kiếm bị lỏng chuôi nên rơi ra khỏi chuôi bay về phía anh T, còn chuôi kiếm vẫn ở trên tay T. Anh T tránh được nên lưỡi kiếm rơi cắm xuống đất ở gần vị trí của anh T đứng. Sợ T nhặt lại kiếm để tấn công mình nên anh T đã nhặt lưỡi kiếm, thì T lao vào giằng lại lưỡi kiếm mà anh T đang cầm rồi hai bên giằng co, T vật đè T xuống đất. Lúc này chị B đang đứng cách anh T khoảng 10 mét, thấy T có T độ hung hăng nên chị B hoảng sợ đã thu dọn đồ đạc, máy kích giun ra lấy xe máy dựng cách đó khoảng 05 mét để đi báo Công an nhưng do không biết trụ sở Công an ở đâu và không yên tâm để anh T ở lại một mình nên chị B không đi nữa mà tiến lại thì thấy T đang vật T ngã ngửa xuống đất, ngồi lên bụng T, dìm đầu T xuống đất một tay cầm kiếm giật lại để lấy kiếm nhưng T không buông ra. Thấy vậy chị B vào can ngăn và tách hai người ra. Khi T bỏ T ra thì nhìn thấy 02 thanh kim loại hình chữ T là dụng cụ để đánh giun có tay cầm là ống nhựa cắm gần đó. T cầm mỗi tay một thanh kim loại này rồi hướng đầu nhọn ra ngoài và đâm về phía anh T. Anh T vẫn cầm lưỡi kiếm lao đến dùng hai tay giữ tay T không để T đâm vào người mình. Sau đó T buông bỏ hai thanh kim loại ra và tiếp tục vật anh T xuống đất để lấy lại thanh kiếm; hai người vật lộn, giằng co nhau khoảng 30 phút thì chị B mới tách hai người ra được. Lúc này T nói với anh T trả kiếm lại cho T thì T sẽ tha cho thì anh T đồng ý và đưa kiếm cho T. Khi vừa lấy được lưỡi kiếm thì T liền kê kiếm vào cổ của anh T nói “có bao tiền thì đưa tất đây”. Do bị khống chế, anh T lấy ví ở túi quần sau ra, lấy tất cả được 430.000 đồng đưa cho T gồm 02 tờ 200.000 đồng, 01 tờ 20.000 đồng, 01 tờ 10.000 đồng. Sau đó T nhìn về phía chị B nói “nôn hết tiền ra đây”, chị B hoảng sợ rồi lấy từ ốp điện thoại của mình ra 200.000 đồng đưa cho T. Do không có tiền đi đường về nhà nên anh T

nói với T “em xin mấy đồng đi xe về”, thì T đưa trả lại cho anh T 210.000 đồng gồm 01 tờ 200.000 đồng, 01 tờ 10.000 đồng. Khi T lấy được tiền xong vẫn tiếp tục kê lưỡi kiếm vào cổ anh T một lúc sau mới bỏ đi. Sau khi T bỏ đi thì chị B và anh T cũng thu dọn đồ đạc rồi đi về.

Sau khi về nhà thì anh T có nói chuyện điện thoại với anh Đào Anh T về việc mình bị một đối tượng chiếm đoạt tài sản ở khu sinh T thuộc huyện Phúc Thọ, rồi anh T có gửi ảnh chân dung T cho anh T và hỏi có phải người này không. Anh T xem xong thì xác nhận người trong ảnh mà anh T gửi đúng là người đã đe dọa, chiếm đoạt tiền của mình vào rạng sáng ngày 09/11/2023. Anh T cũng kể chuyện với anh T việc anh T cùng với anh Trần Văn V là anh rể T đi đánh giun ở khu sinh T thuộc huyện Phúc Thọ cũng bị đối tượng này đe dọa rồi lấy mất tiền và máy đánh giun. Anh T cũng nói chuyện với T về việc có một số điện thoại lạ (không nhớ số điện thoại nào) gọi điện thoại cho mình hỏi có mua máy đánh giun không, nghe giọng qua điện thoại thì anh T nhận ra đó là giọng của T là người đã chiếm đoạt tiền của anh T. Nghi vấn T muốn bán máy đánh giun đã cướp được của anh V nên anh T đã cho anh V số điện thoại của T để hai người nói chuyện với nhau. Bản thân anh T sợ đối tượng trả thù khi đi đánh giun nên chị B và anh T không trình báo Cơ quan Công an, sau này khi nói chuyện với anh Đào Anh T thì anh T biết việc anh T đã trình báo với cơ quan Công an nên ngày 12/3/2024 chị B cùng anh T đã đến Cơ quan Công an để trình báo.

Vụ thứ 4 (Cướp tài sản):

Chiều tối ngày 10/11/2023, anh V và anh T tiếp tục cùng nhau đi đánh giun ở khu sinh T. Lần này anh V và anh T đánh giun ở trên đê giáp Quốc lộ 32 thuộc địa phận thôn 8, Tam Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội; anh V đánh giun ở dưới chân đê còn anh T đánh giun trên mặt đê, hai người đứng cách nhau khoảng 100 mét. Đến khoảng 01 giờ sáng ngày 11/11/2023, khi cả hai đang đánh giun đến gần cổng khu sinh T thì T đi xe máy một mình đến cầm theo 01 thanh kiếm chạy đến chỗ anh V ngồi và chửi “Địt mẹ mày, giun mày để đâu hết rồi”, anh V trả lời là “không có” thì T liền dùng bản rộng thanh kiếm đập vào lưng anh V, anh V đứng dậy định bỏ chạy thì thấy T đi tới lấy ba lô và máy đánh giun của anh V. Thấy vậy anh V chạy tới chỗ T để xin lại đồ nhưng T không trả và lên xe máy bỏ đi. Anh V sợ bị đánh nên không dám đuổi theo đòi lại. Anh V bị lấy 01 bộ dụng cụ dùng để đánh giun, 01 bộ quần áo rằn ri dài tay, 01 ba lô loại dùng cho bộ đội và số tiền 200.000 đồng cùng một số giấy tờ tùy thân để trong balo của anh V mang đi. Lúc xảy ra sự việc thì anh T đang đứng đánh giun ở cách đó khoảng 100 mét, do vị trí đánh giun cách nhau ở xa và thấy có nhiều đèn pin và người nói to khiến anh T hoảng sợ cầm máy đánh giun bỏ chạy nên không chứng kiến

sự việc. Sau khi bị T lấy mất tài sản, anh V có đi đến phòng B vệ của khu sinh T ở công đi vào và lại gặp ông B và nhờ ông B gọi điện thoại cho T để xin lại tài sản. Ông B dùng điện thoại của mình gọi điện thoại cho T thì T trả lời là T không lấy và B để T hỏi hộ xem ai lấy. Lúc sau T nói với ông B là B V chuộc lại máy kích giun với giá là 1.500.000 đồng nhưng anh V không đồng ý nên đi về.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 08/2024/KL-HĐĐGTS, ngày 28/02/2024, của Hội đồng định giá tài sản huyện Phúc Thọ - TP Hà Nội, kết luận:

- 01 (một) bộ kích giun đã qua sử dụng gồm các bộ phận: 01 (một) bộ máy gồm 04 tụ và các mạch điện tử; 01 (một) đoạn dây điện dài khoảng 40 mét; 04 (bốn) cái xiên bằng inox; 01 (một) pin khô (9kg, 300AH, 12V). Tại thời điểm ngày 11/11/2023 có giá trị là 4.083.000 đồng.

- 01 (một) bộ quần áo rằn ri dài tay còn mới chưa sử dụng tại thời điểm ngày 11/11/2023 có giá trị là 300.000 đồng.

- 01 (một) ba lô quân đội đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 11/11/2023 có giá trị là 77.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là 4.460.000 đồng (Bốn triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

Về vật chứng, đồ vật, tài sản liên quan đã thu giữ:

- 01 (một) chiếc xe máy GENZO mang BKS: 33P5-3930, số máy: RMEQH1P50FMG3007266, số khung: RMEDCGDME7A007266 là xe của bà Vũ Thị Hà (mẹ đẻ Khuất Văn T) sử dụng hàng ngày để đi lại do gia đình của Khuất Văn T giao nộp. Đây là xe của T sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên việc T lấy chiếc xe trên của bà Hà để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật bà Hà không biết vì vậy Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe máy trên cho bà Vũ Thị Hà.

- 01 (một) thanh đao chiều dài khoảng 56cm, chuôi đao dài khoảng 20cm bằng gỗ màu vàng, phần lưỡi bằng kim loại có chiều dài khoảng 36cm đã hoen gỉ, bản rộng nhất khoảng 7cm (thu được trong quá trình khám xét nơi ở của Khuất Văn T). Căn cứ bản Kết luận giám định số 6734/KL-KTHS ngày 25/9/2024 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an xác định thanh đao trên là vũ khí thô sơ. Quá trình điều tra xác định thanh đao này không phải vật chứng của vụ án, không đủ căn cứ xác định thanh đao trên là tài sản của Khuất Văn T, không có căn cứ xác định thanh đao này có được sử dụng vào hành vi vi phạm pháp luật nào không. Do đó Công an huyện Phúc Thọ không xử phạt vi phạm

hành chính đối với T về hành vi “trang bị, tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí thô sơ” đồng thời đã tiêu hủy thanh đao trên.

- Tạm giữ 02 thanh kim loại hình chữ T, có một đầu kim loại nhọn khoảng phi 6 dài khoảng 30 cm, nối với ống nhựa màu xám dài khoảng 25cm, đầu còn lại của ống nhựa màu xám được gắn với một ống nhựa cùng màu theo chiều nằm ngang dài khoảng 10 cm tạo thành hình chữ T. Đây là dụng cụ được anh Trần Văn T cầm xuống đất để đánh giun, vào rạng sáng 09/11/2023, Khuất Văn T đã sử dụng 02 thanh kim loại này để đâm về phía anh T nhưng anh T đã giữ tay và tránh được và 01 (một) tờ tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành có mệnh giá 200.000 đồng do ông Nguyễn Văn B giao nộp – chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ B quản chờ xử lý theo quy định.

Vấn đề dân sự trong vụ án:

- Anh Trần Văn V yêu cầu Khuất Văn T bồi thường số tiền 5.860.000 đồng, bao gồm: 500.000 đồng đưa cho T lần đầu vào tối ngày 07/11/2023; 700.000 đồng đưa cho T để xin chuộc lại máy kích giun vào tối ngày 08/11/2023; 200.000 đồng tiền mặt và 4.460.000 đồng là tổng giá trị các tài sản (theo kết luận định giá tài sản). Anh V không bị thương tích gì nên không có yêu cầu đề nghị gì khác.

- Anh Trần Văn T yêu cầu Khuất Văn T bồi thường số tiền 220.000 đồng bị T chiếm đoạt vào rạng sáng ngày 09/11/2023. Anh T bị T dùng kiếm kê vào cổ, dùng 02 thanh kim loại hình chữ T hướng đầu nhọn ra ngoài đâm về phía anh T nhưng anh T giữ được tay T nên không bị đâm vào người. Do không bị thương tích gì nên anh T không có yêu cầu đề nghị giải quyết về vấn đề này.

- Chị Nguyễn Thị B yêu cầu Khuất Văn T bồi thường số tiền 200.000 đồng bị T chiếm đoạt vào rạng sáng ngày 09/11/2023.

- Anh Đào Anh T yêu cầu Khuất Văn T bồi thường số tiền 700.000 đồng mà anh T đã đưa cho T vào ngày 07/11/2023 để xin chuộc lại máy kích giun.

- Còn 200.000 đồng mà anh T chuyển khoản cho Khuất Văn T đó là tiền anh T cho T vay nên anh T không yêu cầu bồi thường số tiền này.

Tại cơ quan điều tra, Khuất Văn T không khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên từ lời khai của các bị hại; lời khai của người làm chứng (ông B); vật chứng thu giữ được; kết quả chỉ dẫn hiện trường; biên bản nhận dạng; thực nghiệm điều tra... là phù hợp với nhau, cũng như Khuất Văn T không cung cấp được chứng cứ ngoại phạm vì vậy có đủ cơ sở khẳng định có sự việc các bị hại bị T chiếm đoạt tài sản như đã nêu ở trên là khách quan, đúng sự T.

Tại Bản cáo trạng số 98/CT-VKS ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội đã truy tố Khuất Văn T về tội “Cướp tài sản” và “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại Điểm d, h Khoản 2 Điều 168 và Điểm e Khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điểm d, h Khoản 2 Điều 168; Điểm e Khoản 2 Điều 170; Điểm g Khoản 1 Điều 52; 50; 38 và Điều 55 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo T từ 07 năm 6 tháng đến 8 năm tù về tội Cướp tài sản và từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội Cưỡng đoạt tài sản.

Buộc bị cáo bồi thường cho người bị hại.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 02 thanh kim loại có hình chữ T, có một đầu kim loại nhọn khoảng phi 6 dài khoảng 30 cm.

Trả lại anh Trần Văn V số tiền: 200.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung vụ án:

Trong các ngày 07, 09 và 11/11/2023 tại huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội đối tượng Khuất Văn T đã dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể:

- Ngày 07/11/2023, Khuất Văn T đã có hành vi chửi bới, dùng ngực, đầu, vai tiến đến húc thẳng vào người anh Đào Anh T để lấy của anh T 01 bộ máy kích giun. Khi anh T đưa cho T 700.000 đồng thì T đã trả lại máy đánh giun cho anh T.

- Rạng sáng ngày 09/11/2023, Khuất Văn T sử dụng hung khí nguy hiểm gồm 01 thanh kiếm, 02 thanh kim loại có đầu nhọn và tay đánh anh Trần Văn T, dùng thanh kiếm kè vào cổ anh T đe dọa để chiếm đoạt của anh T số tiền là 220.000 đồng, chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị B số tiền là 200.000 đồng.

- Rạng sáng ngày 11/11/2023, T sử dụng bản rộng thanh kiếm đập vào lưng anh Trần Văn V để chiếm đoạt 200.000 đồng tiền mặt cùng 01 bộ dụng cụ dùng để đánh giun, 01 bộ quần áo rằn ri dài tay, 01 ba lô loại dùng cho bộ đội bên trong có một số giấy tờ tùy thân của anh V tổng giá trị tài sản được định giá là 4.460.000 đồng (Bốn triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tối ngày 08/11/2023, tại huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội đối tượng Khuất Văn T đã đe dọa sẽ dùng vũ lực uy hiếp tinh thần của anh Trần Văn V để lấy tiền “B kê” đánh giun còn thiếu và yêu cầu anh V phải nộp thêm 1.000.000 đồng thay vì 500.000 đồng như thỏa thuận trước đây nhưng anh V không đồng ý. T vừa chửi bới vừa nói “tao B mày nộp, mày không nộp thì tao thu kích” và thu lấy máy kích giun của anh V cho lên xe máy rời đi. Sau khi được ông B gọi đến, T chửi bới yêu cầu anh V nộp 700.000 đồng thì mới trả máy kích giun nên anh V đồng ý. Sau khi nhận được 700.000 đồng T đã trả lại máy kích giun cho anh V.

Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa xét xử, bị cáo T đều không thừa nhận hành vi của mình, không ký nhận các văn bản tố tụng, lời khai, biên bản đối chất.

Với các ý kiến của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Lời khai của bị cáo T mâu thuẫn với nhau, lúc đầu thừa nhận hành vi, tuy nhiên những bản khai sau đều không thừa nhận hành vi, không ký biên bản lấy lời khai (BL 238); bị cáo và 04 người bị hại, 01 người liên quan không có mâu thuẫn gì nhưng những người này đều có lời khai xác nhận đã bị bị cáo T đe dọa, chiếm đoạt tài sản; Bị cáo cho rằng, mình ở cùng bố mẹ, không đi ra ngoài, không biết và không gặp 04 người bị hại, người liên quan, tuy nhiên bố mẹ bị cáo lại khai rằng, bị cáo thường xuyên vắng nhà và không biết đi đâu, làm gì (BL 378,379, 380, 381, 382). Người liên quan là ông B xác nhận có gặp bị cáo, nhận tiền của bị cáo nhưng bị cáo lại cho rằng không gặp, không biết ông B; bản thân bị cáo được người bị hại chuyển khoản 200.000đ qua tài khoản mở tại ngân hàng đứng tên bị cáo sau khi đã đe dọa người bị hại nhưng lại cho rằng đây là tài khoản chuyển nhầm, tuy nhiên bị cáo không chuyển khoản trả lại; quá trình điều tra, bị cáo không hợp tác trong lúc nhận dạng. Như vậy bị cáo hoàn T không trung thực trong lời khai của mình, cố ý không khai báo gây khó khăn cho quá trình điều tra nhằm trốn tránh sự trừng phạt của pháp luật. Do đó việc bị cáo cho

rằng bị cáo không thực hiện hành vi đe dọa, cướp và cưỡng đoạt tài sản của các bị hại là không có căn cứ chấp nhận.

[4]. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật B vệ. Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Bản thân bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự tại thời điểm phạm tội, có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ.

Tại phiên toà tuy bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của mình theo Bản cáo trạng và Lời luận tội của Viện kiểm sát. Nhưng qua các tài liệu về danh sách điện thoại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Khuất Văn T đã cấu thành tội “*Cướp tài sản và Cưỡng đoạt tài sản*” theo quy định tại Điều 168 và Điều 170 Bộ luật Hình sự. Việc bị cáo cho rằng bị cáo bị oan là không có cơ sở. Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội truy tố và kết luận về hành vi phạm tội của bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5]. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây nên sự bất ổn định của tình hình trật tự trị an xã hội ở địa phương; tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng; Toà án xét xử nghiêm minh vụ án nhằm giáo dục bị cáo và góp phần phòng ngừa tội phạm chung.

[7]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện nhiều lần hành vi Cướp tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội từ 02 lần trở lên theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[8]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo không thành khẩn khai báo, không ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, không hợp tác điều tra, không bồi thường cho người bị hại; do đó bị cáo không được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, không được hưởng tình tiết giảm nhẹ hình phạt.

[9]. Căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội, không hợp tác điều tra thể hiện T độ coi thường pháp luật. Do đó cần phải có mức án nghiêm khắc để cải tạo giáo dục bị cáo và có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[10]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 38 của Bộ luật Hình sự buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn là phù hợp.

[11]. Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Trong vụ án còn có một số vấn đề và người liên quan như:

- Đối với ông Nguyễn Văn B là người gọi điện thoại cho Khuất Văn T mang máy kích giun ra trả cho anh Trần Văn V vào ngày 08/11/2023 và sau đó nhận 200.000 đồng từ số tiền 700.000 đồng mà T chiếm đoạt được của anh V. Quá trình điều tra xác định giữa ông B và T không có mối quan hệ, quen biết nhau từ trước; không có sự thống nhất, bàn bạc gì với T trước khi T có hành vi chiếm đoạt tài sản của anh V. Khi anh V kể chuyện với ông B về việc mình bị T chửi bới, đe dọa thu máy đánh giun thì ông B mới biết sự việc, việc ông B gọi điện thoại cho T là mục đích muốn giúp anh V lấy lại được máy kích giun. Vì vậy hành vi của ông B không đồng phạm với T về tội Cường đoạt tài sản quy định tại Điều 170 BLHS và cũng không cấu thành tội “Không tố giác tội phạm” quy định tại Điều 390 BLHS. Cơ quan CSĐT Công an huyện Phúc Thọ đã nhắc nhở, giáo dục để phòng ngừa tội phạm.

- Đối với hành vi kích giun của anh Trần Văn V, Đào Anh T, Trần Văn T và chị Nguyễn Thị B như trên; do sự việc xảy đã lâu, sau khi bị chiếm đoạt tài sản như trên các bị hại không đến Cơ quan Công an trình báo ngay nên Cơ quan Công an không thu được máy kích giun, không thu được loại hóa chất sử dụng để bắt giun nên không có căn cứ xác định được hành vi kích giun có làm biến đổi chất lượng đất không, mức độ biến đổi như thế nào. Do đó Công an huyện Phúc Thọ không xử lý hành chính đối với anh Trần Văn V, Đào Anh T, Trần Văn T và chị Nguyễn Thị B trong lĩnh vực môi trường. Cơ quan CSĐT Công an huyện Phúc Thọ đã nhắc nhở để phòng ngừa vi phạm.

[12]. Về trách nhiệm dân sự:

- Anh Trần Văn V yêu cầu Khuất Văn T bồi thường số tiền 5.860.000 đồng, bao gồm: 500.000 đồng đưa cho T lần đầu vào tối ngày 07/11/2023; 700.000 đồng đưa cho T để xin chuộc lại máy kích giun vào tối ngày 08/11/2023; 200.000 đồng tiền mặt và 4.460.000 đồng là tổng giá trị các tài sản (theo kết luận định giá tài sản). Anh V không bị thương tích gì nên không có yêu cầu đề nghị gì khác.

- Anh Trần Văn T yêu cầu Khuất Văn T bồi thường số tiền 220.000 đồng bị T chiếm đoạt vào rạng sáng ngày 09/11/2023. Anh T không bị thương tích nên không có yêu cầu bồi thường.

- Chị Nguyễn Thị B yêu cầu Khuất Văn T bồi thường số tiền 200.000 đồng bị T chiếm đoạt vào rạng sáng ngày 09/11/2023.

- Anh Đào Anh T yêu cầu Khuất Văn T bồi thường số tiền 700.000 đồng mà anh T đã đưa cho T vào ngày 07/11/2023 để xin chuộc lại máy kích giun.

Xét các yêu cầu của người bị hại là có căn cứ nên được chấp nhận.

[13]. Về xử lý vật chứng:

- Đối với 02 thanh kim loại hình chữ T, có một đầu kim loại nhọn khoảng phi 6 dài khoảng 30 cm là vật không có giá trị sử dụng nên tuyên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) tờ tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành có mệnh giá 200.000 đồng do ông Nguyễn Văn B giao nộp là tài sản hợp pháp của anh Trần Văn V nên trả lại cho anh V.

[14]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[15]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Khuất Văn T phạm tội “*Cướp tài sản*” và “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

Áp dụng Điểm d, h Khoản 2 Điều 168; Điểm e Khoản 2 Điều 170; Điểm g Khoản 1 Điều 52; 50; 38 và Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Khuất Văn T **07** (Bảy) năm **06** (Sáu) tháng tù về tội Cướp tài sản và **03** (Ba) năm **06** (Sáu) tháng tù về tội Cưỡng đoạt tài sản. **Tổng hợp hình chung là 11** (Mười một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/4/2024.

Buộc bị cáo Khuất Văn T phải bồi thường cho những người bị hại cụ thể gồm:

- Anh Trần Văn V số tiền 5.860.000đ (Năm triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

- Anh Trần Văn T số tiền 220.000đ (Hai trăm hai mươi nghìn đồng).

- Chị Nguyễn Thị B số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

- Anh Đào Anh T số tiền 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng).

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Trả lại cho anh Trần Văn V số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

- Tịch thu tiêu hủy 02 thanh kim loại có hình chữ T, có 1 đầu kim loại nhọn khoảng phi 6 dài khoảng 30cm, nối với ống nhựa màu xám dài khoảng

25cm, đầu còn lại của ống nhựa màu xám được gắn với 1 ống nhựa cùng màu theo chiều nằm ngang dài khoảng 10cm tạo thành chữ T.

(Các vật chứng hiện đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ theo Biên bản giao nhận vật chứng số 13 ngày 15/11/2024 và Lệnh thanh toán lập ngày 14/11/2024).

Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Khuất Văn T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 349.000đ (Ba trăm bốn mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND.TP.Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- Công an. H.Phúc Thọ;
- Chi cục THADS huyện Phúc Thọ;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Hải

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

